Name: ……..

Class: S2…

Ngày giao bài: Thứ……., ngày…./….

Ngày nộp bài: Thứ……., ngày…./….

Grammar: ……

Reading: ……

Mini Test: ……

GLOBAL ENGLISH 2
GRAMMAR REVISION

A. EXTRA VOCABULARY

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	**hippo** (n)	con hà mã	3	**cross** (v)	đi băng qua
2	**crocodile** (n)	con cá sấu			

**Note:* *n = noun: danh từ; v = verb: động từ.*

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 DÒNG vào vở ghi*

B. HOMEWORK

I. Complete the table with the correct form of verbs. *(Hoàn thành bảng với dạng đúng của động từ.)*

0. 		1. 		2. 	
today	yesterday	today	yesterday	today	yesterday
see	saw	go	_____	_____	wrote
3. 		4. 		5. 	
today	yesterday	today	yesterday	today	yesterday
_____	made	eat	_____	_____	ran

II. Circle the correct answer. *(Khoanh tròn đáp án đúng.)*

0. She _____ the dishes last night.

(A.) washed B. blew

1. Yesterday, June _____ Pete at the market.

A. didn't meet B. didn't met

2. Last night, I _____ a cake for you.

A. maked B. made

3. Last week, our grandmother _____ us a scary story.

A. told B. telled

4. _____ 2 tables in the kitchen.

A. There is B. There are

LIVEWORKSHEETS

5. _____ he do yesterday?

A. What did B. What do

III. Fill in the blanks with the correct form of the verbs. *(Điền vào chỗ trống với dạng đúng của động từ.)*

*0. He reads **(read)** the newspaper every morning.*

1. We _____ **(not go)** to the park every Sunday.

2. The cat _____ **(sleep)** on the sofa yesterday.

3. My friends _____ **(speak)** English and Vietnamese.

4. She _____ **(not study)** English last night.

5. _____ you _____ **(talk)** with your teacher?

IV. Match the questions with the suitable answers. *(Nối các câu hỏi với các câu trả lời phù hợp.)*

~~*0. What did you do yesterday?*~~	A. She goes to school.
1. What does she do on Mondays?	B. He did his homework.
2. What did they do last summer?	C. They go to the hospital every day.
3. What did he do last night?	~~*D. I went to the supermarket.*~~
4. Where do the doctors go every day?	E. By bike.
5. How do they get to work?	F. They visited their grandparents.

0. D	1.	2.	3.	4.	5.

V. Reorder the given words/phrases to form suitable sentences.
(Sắp xếp các từ vựng/cụm từ phù hợp để tạo thành các câu phù hợp.)

0. vegetables. / She / like / doesn't

→ *She doesn't like vegetables.*

1. his friends. / with / He / football / played

→_____

2. yesterday? / Did / go / you / to / the zoo

→_____

3. every day. / eat / at 8 a.m. / breakfast / I

→_____

4. yesterday? / you / What / did / do

→_____

LIVEWORKSHEETS

Part 2

– 6 questions –

Look and read. Write yes or no.



Examples

A pirate is sitting on a box. ..... yes .....

There are six hippos in the picture. ..... no .....

LIVEWORKSHEETS

Questions

1 The girls are playing a game of badminton. .....

2 There is a green and yellow parrot on the boy's shoulder. .....

3 A big brown monkey is climbing a mountain. .....

4 A woman with a red skirt has got a bowl of pineapples. .....

5 There is a big snake in the tree above the crocodile. .....

6 A man and a woman are crossing the river in a boat. .....

LIVEWORKSHEETS